

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỤC NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lục Nam, ngày tháng 11 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Hoá chất xét nghiệm sinh hóa

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-SYT ngày 19/01/2024 về việc giao dự toán NSNN năm 2024 (lần 1) của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-TTYT ngày 09/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lục Nam về việc phê duyệt danh mục, số lượng, tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hóa chất xét nghiệm sinh hoá dự kiến mua sắm sử dụng trong giai đoạn 2025 – 2026 của Trung tâm Y tế huyện Lục Nam.

Trung tâm Y tế huyện Lục Nam đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm sinh hoá sử dụng trong giai đoạn 2025 – 2026 của Trung tâm Y tế huyện Lục Nam, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lục Nam.

Địa chỉ: Thị Trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận bản báo giá.

Người nhận: Dược sỹ Nguyễn Chí Dũng.

- Chức vụ: Phó Trưởng khoa Dược – Vật tư trang thiết bị y tế.

- Điện thoại: 0942.918.911

3. Cách thức tiếp nhận:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư - phòng Tổ chức Hành chính, Trung tâm Y tế huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Thời gian tiếp nhận các bản báo giá: Từ ngày 11/11/2024 đến hết 08 giờ 00 phút ngày 22/11/2024.

Các bản báo giá gửi sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian hiệu lực của các bản báo giá gửi đến Trung tâm Y tế huyện Lục Nam: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 22/11/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá yêu cầu báo giá

(có danh mục, số lượng, tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hoá kèm theo tại Phụ Lục I)

2. Hồ sơ các bản báo giá gửi về Trung tâm Y tế huyện Lục Nam gồm:

- Ít nhất 02 bản gốc *(theo mẫu gửi kèm)*.

- Hồ sơ pháp lý chứng minh đơn vị cung cấp báo giá đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ.

- Tài liệu chứng minh hàng hoá chào giá đủ điều kiện lưu hành theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ (nếu có).

- Tài liệu kỹ thuật của trang thiết bị gồm: Catalog và các tài liệu kỹ thuật khác phản ánh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hoá (nếu có).

- Hợp đồng mua bán hàng hoá báo giá đã hoàn thành (nếu có).

Kính gửi các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng DS-TT (Đăng Website);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Vũ Trí Quý

PHỤ LỤC I:**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN HÀNG HOÁ YÊU CẦU BÁO GIÁ***(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 11/2024 của Trung tâm Y tế huyện Lục Nam)*

STT	Tên Hóa chất	ĐVT	Tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Ghi chú
1.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Acid uric	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 10 test	7.000	Sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động, model: AU480, hãng sản xuất: Beckman coulter, nước sản xuất: Nhật Bản
2.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Bilirubin toàn phần	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 15 test	800	
3.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Cholesterol toàn phần	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 20 test	4.200	
4.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Creatinin	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 3 test	10.000	
5.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Glucose	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 10 test	15.000	
6.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Triglycerid	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglyceride; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 5 test	13.400	
7.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Ure	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urê; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 5 test	10.000	
8.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa ALT (GPT)	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 5 test	20.000	
9.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa AST (GOT)	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 5 test	15.000	

10.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa GGT	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 3 test	1.400	
11.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Protein	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 10 test	1.800	
12.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Albumin	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 15 test	480	
13.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Calcium	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi toàn phần; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 25 test	240	
14.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Ck (NAC)	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 5 test	700	
15.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Amylase	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -amylase; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	700	
16.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Cholesterol LDL	ml	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol LDL. Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 5 test	26.000	
17.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Cholesterol HDL	ml	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol HDL. Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 5 test	26.000	
18.	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm HDL, LDL	ml	Thành phần: Bột đông khô từ huyết tương người	15	
19.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL, LDL mức 1	ml	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	15	
20.	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL, LDL mức 2	ml	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	15	
21.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa Ethanol	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 2 test	1.600	

22.	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ethanol	ml	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2.	40	
23.	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ethanol	ml	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2.	40	
24.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ethanol	ml	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2.	20	
25.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa HbA1C	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct mẫu máu người. Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 3 test	6.400	
26.	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1C	ml	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C Direct mẫu máu người.	8	
27.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm sinh hóa HbA1C mức 1	ml	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bình thường.	16	
28.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm sinh hóa HbA1C mức 2	ml	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bệnh lý.	16	
29.	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Chất kiểm chứng 1 mức	120	
30.	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Chất kiểm chứng 1 mức	120	
31.	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	ml	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	120	
32.	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa CK - MB	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 5 test	600	
33.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	ml	Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB; Chất hiệu chuẩn 1 mức	8	

34.	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	ml	Chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB	20	
35.	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	ml	Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB	20	
36.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm sinh hóa C-Reactive Protein (CRP)	ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người. Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 2 test	1.200	
37.	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP	ml	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP/CRP-hs. Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.	15	
38.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CRP mức 1	ml	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1.	15	
39.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CRP mức 2	ml	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2.	15	
40.	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Lít	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Sulfonic acid, Muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh cô đặc...	200	

Tổng số khoản: 40 khoản

MẪU BÁO GIÁ

CÔNG TY

BÁO GIÁ HÀNG HOÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Lục Nam.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá hàng hoá của Trung tâm Y tế huyện Lục Nam, Chúng tôi, Công ty có địa chỉ tại:....., báo giá hàng hoá như sau:

1. Danh mục hàng hoá báo giá

STT	Danh mục hàng hoá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, Mã HS, tên thương mại (nếu có)	Thông số kỹ thuật của hàng hoá	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đã có VAT (đồng)	Thành tiền đã có VAT (đồng)
1.								
2.								
	Tổng số tiền:							
Tổng số tiền bằng chữ:								

Ghi chú: Đơn giá trên là giá trọn gói, đã bao gồm thuế VAT và toàn bộ các chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao, hướng dẫn sử dụng và các chi phí khác để thực hiện cung cấp hàng hóa tại Trung tâm Y tế huyện Lục Nam. Hàng hóa mới 100%, Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất tại nơi sử dụng.

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày tháng năm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương; không thuộc các trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về luật doanh nghiệp.

- Giá các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm pháp luật về giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC / NGƯỜI BÁO GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)